

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

PHƯƠNG THỨC PHỦ ĐỊNH BẰNG ẢN DỤ TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN HOÀNG THỊNH*

TÓM TẮT: Trong quá trình giao tiếp hàng ngày, con người thường sử dụng các ản dụ để bày tỏ suy nghĩ của mình. Cách phủ định bằng ản dụ trong tiếng Việt là một ví dụ điển hình. Thay vì sử dụng phương thức phủ định trực tiếp thông qua các từ phủ định, người Việt lại sử dụng các ản dụ phủ định. Các ản dụ phủ định này rất đa dạng: *ản dụ trong không gian, ản dụ trong thời gian, ản dụ liên quan đến các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên*. Việc khảo sát và phân tích nhóm ản dụ phủ định này trong tiếng Việt sẽ giúp các học viên nước ngoài đang học tiếng Việt hiểu hơn về cách thể hiện ý nghĩa phủ định của tiếng Việt theo mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.

TỪ KHÓA: phủ định; ản dụ; thời gian; không gian; sự vật; hiện tượng.

NHẬN BÀI: 26/2/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/5/2021

1. Dẫn nhập

G. Lakoff và M. Johnson (1980) quan niệm: *Ản dụ* được xem là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt. Nó luôn hiện hữu trong cuộc sống hằng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà còn trong tư duy và hành động [G.Lakoff and M.Johnson, 1980:3]. Theo quan điểm trên, tiếng Việt cũng không ngoại lệ. Trong quá trình giao tiếp, người Việt cũng thường dùng các ản dụ để thực hiện các phát ngôn, trong đó có các phát ngôn phủ định. Chúng ta xem xét một số cặp hội thoại sau:

VD1: A: *Em nghe nói anh Năm mới trúng số, phải không?*

B: *Trúng gió.* (Nghĩa ản dụ: *Anh Năm không hề trúng số.*)

VD 2: A: *Có ai vô lớp chưa, Tâm?*

B: *Có thấy con ma nào đâu.* (Nghĩa ản dụ: *Không có học sinh/ sinh viên nào trong lớp.*)

Trên thực tế giao tiếp hàng ngày, người Việt có thói quen sử dụng các ản dụ phủ định, cụ thể: *ản dụ trong không gian, ản dụ trong thời gian, ản dụ liên quan đến các sự vật hiện tượng trong tự nhiên*. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung khảo sát, phân tích các ản dụ phủ định phổ biến trong giao tiếp hàng ngày của người Việt. Kết quả của bài báo sẽ giúp làm rõ một số đặc trưng cơ bản trong lối tư duy ngôn ngữ-văn hóa rất riêng của người Việt.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. ẢN DỤ THEO QUAN ĐIỂM NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

“Theo quan điểm ngôn ngữ tri nhận, *ản dụ* (metaphor) được định nghĩa là sự hiểu biết về miền ý niệm này được dùng để liên hệ đến một miền ý niệm khác. Cách hình dung ngắn gọn và thuận tiện đối với việc quan niệm của ản dụ là mô hình: miền ý niệm A (conceptual domain A) là miền ý niệm B - đây chính là ản dụ ý niệm (conceptual metaphor). ản dụ ý niệm bao gồm hai miền: miền nguồn (source domain) và miền đích (target domain).” [Z.Kovecses, 2010:4]. Sau đây là một số ví dụ về ản dụ ý niệm nhằm làm rõ các vấn đề lý thuyết trên:

VD3: *He shot down all of my arguments.* [G.Lakoff and M.Johnson, 1980:6] (Anh ấy đã đánh bại tất cả lập luận của tôi.)

Trong (3), miền nguồn là việc lập luận (argument) và được phóng chiếu đến miền đích mang các đặc điểm như một cuộc chiến tranh (war).

VD 4: *You're wasting my time.* [G.Lakoff and M.Johnson, 1980:7] (Anh đang làm mất thời gian của tôi).

* Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Email: Nguyenhoangthinh@tdc.edu.vn

Trong (4) tồn tại biểu thức phóng chiếu như sau: *thời gian (time)* là *tiền (money)*. Ấn dụ thời gian như trên là một sản phẩm đặc thù theo lối tư duy của các nước công nghiệp phương Tây vốn dĩ rất xem trọng thời gian. Thậm chí, *thời gian* có thể được phóng chiếu đến miền đích *vàng (Time is gold)*.

2.2. Một số ấn dụ phủ định trong tiếng Việt

Có thể nói rằng, trong quá trình giao tiếp, người Việt thường dùng phương thức phủ định bằng ấn dụ, cụ thể thông qua cách tri nhận về một sự thể này nhằm bác bỏ một sự thể khác. *Ấn dụ phủ định* có thể diễn đạt về các ý niệm trong không gian, thời gian, sự vật hoặc hiện tượng trong tự nhiên. Việc khảo sát và phân tích các ấn dụ này sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về đặc điểm của kiểu tư duy phủ định ở người Việt từ góc độ ngôn ngữ và văn hóa. Sau đây, chúng tôi sẽ phân tích một số ví dụ để làm rõ nhận định trên.

2.2.1. Ấn dụ không gian

Ví dụ 5: A: *Chị ở Mỹ mới về, phải không chị Lan?*

B: *Mỹ Tho.* (Nghĩa ấn dụ: Chị không phải ở Mỹ mới về.)

Ví dụ (5) được hiểu theo ba hướng: 1/ hiện tượng rút gọn hai âm tiết còn một âm tiết (*Mỹ Tho* = *Mỹ*); 2/ hiện tượng chơi chữ đồng âm nước *Mỹ* = *Thành phố Mỹ* (= *Mỹ Tho*); trên hai cơ sở này người sử dụng mới hiểu sang cách thứ 3: phủ định bằng ấn dụ. Chúng tôi sẽ tập trung phân tích theo hướng thứ ba vì đây cũng là hướng nghiên cứu chính của bài báo này.

Phát ngôn rút gọn *Mỹ Tho* được người (B) sử dụng nhằm bác bỏ nhận định của người (A) về việc người (B) mới từ Mỹ trở về. *Mỹ* (nước Mỹ) và *Mỹ Tho* (một thành phố trực thuộc tỉnh Tiền Giang, Việt Nam) là hai hình ảnh ấn dụ trong không gian, hoàn toàn khác biệt về mặt địa lí. Trong ví dụ (5), người (B) đã sử dụng hình ảnh *Mỹ Tho* nhằm nhấn mạnh việc người (B) đã và đang ở Việt Nam; đồng thời thông qua đó bác bỏ nhận định của người (A) đã được nêu trước đó. Câu trả lời trên mang tính chất thân mật và tạo bầu không khí vui vẻ, thoải mái.

Ví dụ 6: MC: *Nhìn thấy Quốc hao hao giống người Nhật?*

Bạn Quốc : *Dạ, đúng rồi anh. Em gốc Nhật nhưng mà “Nhật Tào”.*

(Nghĩa ấn dụ: Em không phải là người Nhật./ Em là người Việt Nam.)

(Chương trình *Vợ chồng son*, ngày 18/05/2020)

Cách trả lời của bạn Quốc vô cùng hóm hỉnh, tạo ra bầu không khí hài hước, thoải mái trong suốt buổi ghi hình, thay vì chọn cách trả lời theo ngôn ngữ sách vở “*Dạ, không (phải) (à)*”. Phương thức phủ định trong ví dụ (6) là phương thức phủ định với hai hình ảnh ấn dụ *Nhật (Nhật Bản)* và *Nhật Tào (một chợ điện tử nằm ở Quận 10, Tp.HCM)*. Ở góc độ nhận thức, người trả lời hoàn toàn ý thức rất rõ sự khác biệt về mặt địa lí giữa hai địa danh trên. Về mặt dụng học, việc sử dụng hai địa danh hoàn toàn không có mối liên hệ với nhau của người đáp nhằm hướng đến hai mục đích: bác bỏ thông tin đã được đề cập và tạo ra tiếng cười sảng khoái cho buổi trò chuyện.

Nhận xét: Phương thức phủ định bằng ấn dụ không gian là dựa trên cách phóng chiếu từ miền nguồn (địa danh thứ nhất) đến miền đích (địa danh thứ hai) về mặt không gian. Do tính chất phủ định, các sự phóng chiếu hoặc liên tưởng này không hợp lí về mặt địa lí (trong nước hoặc ngoài nước). Tuy nhiên, về mặt dụng học, nó đáp ứng được mục đích bác bỏ một phát ngôn nào đó nhưng vẫn đảm bảo yếu tố hài hước và sự sảng khoái trong suốt buổi trò chuyện. Điều kiện tiên quyết cho sự phóng chiếu này là trong hai tên gọi phải có một yếu tố trùng nhau. Dưới đây là một số *ấn dụ không gian* phổ biến trong giao tiếp hàng ngày của người Việt như sau:

ẤN DỤ KHÔNG GIAN	
Tây (các nước phương Tây)	Tây Ninh
Mỹ	Mỹ Tho
Nhật	Nhật Tào
Châu Âu	Châu Đốc

2.2.2. *Ẩn dụ thời gian*

Ví dụ 7: A: *Ngày mai, anh chờ em đi siêu thị nhé!*

B: *Còn lâu/ Còn Khuya.* (Nghĩa ẩn dụ: Ngày mai, anh không chờ em đi được./ Em tự đi đi.)

Trong ví dụ (7), hai khái niệm *lâu* và *khuya* đều liên quan đến *thời gian*. Nó gợi cho người nghe cảm giác không xác định được hoặc không rõ ràng về hạn định của việc thực hiện hành động ở người phát ngôn. *Còn lâu/ còn khuya* là hai phát ngôn phủ định bác bỏ gián tiếp bằng ẩn dụ thời gian của người nói đối với người nghe. Tuy nhiên, xét về sắc thái ý nghĩa so với phương thức phủ định bằng ẩn dụ không gian, phương thức phủ định này lại tạo không khí nặng nề, trầm trọng trong suốt cuộc hội thoại.

Ví dụ 8: A: *Từ bữa đến giờ em chưa thấy anh Nam trả lại tiền cho em.*

B: *Đợi đến Tết Công gô.* (Nghĩa ẩn dụ: Anh Nam sẽ không trả lại tiền cho em đâu.)

Tết Công gô được sử dụng như một ẩn dụ thời gian nhằm bác bỏ tính khả thi hoặc khả năng thực hiện của một hành động được đề cập đến trước đó. Nước Cộng hòa Dân chủ Công gô là một quốc gia nằm ở Trung Phi. Đặc biệt hơn nữa, khái niệm *Tết Công gô* là một khái niệm không hề tồn tại. Dựa trên cơ sở liên hệ đến thuộc tính [- *Tết Công gô*], người nói xác nhận không thực hiện hành động đã được đề cập đến trước đó một cách gián tiếp thông qua ý nghĩa hàm ẩn trong ẩn dụ *Tết Công gô*.

2.2.3. *Ẩn dụ sự vật và các hiện tượng trong tự nhiên*

Ví dụ 9: *Anh chơi bạn kiêu đó có mà chơi với đế!* (Nghĩa ẩn dụ: Không ai chơi với anh ấy đâu.)

Rõ ràng, ví dụ (9) có sự liên tưởng không hợp lí. Trong văn hóa Việt Nam tồn tại trò chơi *đá đế* (*chơi đế*), tức là cuộc chiến đấu giữa các chú đế với nhau dưới sự quan sát và điều khiển của con người. Sự ánh xạ từ mối quan hệ giữa người và đế với hình ảnh mối quan hệ giữa người với người là hoàn toàn không có cơ sở nhằm bác bỏ các đặc tính của mối quan hệ đã được đề cập đến trước đó. Ví dụ (9) mang nghĩa ẩn dụ: *Chơi bạn bè kiêu như anh thì không ai chơi/ không chơi với ai được.*

Ví dụ 10: - *Chúng nó chưa đi xa đâu.*

- *Chia ra ba cánh, đuổi theo các ngã ba kênh!*

- *Đuổi cái con khi! Không biết chừng nó đã tới Ngã Bảy rồi!* [Đoàn Giỏi, 2006:95]

(Nghĩa ẩn dụ: Không cần đuổi theo.)

Đây là lối nói phủ định phổ biến trong phương ngữ Nam Bộ. *Đuổi cái con khi* có nghĩa *đuổi làm gì/ đuổi gì mà đuổi*. Ngoài ra, biến thể phủ định kèm theo nghĩa phủ định cực cấp trong ví dụ (10) là *Đuổi cái con khi khô*. Bàn về việc chọn lựa hình ảnh con khi trong phát ngôn trên, chúng tôi có một số nhận định như sau: Trong giao tiếp hàng ngày, đôi khi chúng ta thường bắt gặp sự kết hợp giữa một danh từ kèm theo yếu tố *khi*, cụ thể:

Ví dụ 11: *Mấy cái trò khi ấy mà chơi cái gì!* (Nghĩa ẩn dụ: Tôi không chơi cái trò ấy vì nó không phù hợp với tôi.)

Yếu tố *khi* trong ví dụ (11) mang yếu tố phủ định với nghĩa chuyển từ thuộc tính của loài khi [+ linh tinh, thiếu sự chuẩn xác]. Cụm từ kết hợp *cái trò khi* rõ ràng không hề mang nghĩa đen để chỉ một trò chơi có sự tham gia của *khi*, mà mang nghĩa phủ định bác bỏ nhận định trước đó. Tương tự, yếu tố *khi* trong ví dụ (10) cũng được lí giải theo hướng này. Người phát ngôn trong ví dụ (10) cho rằng ý kiến hoặc lời khuyên như trên là không thật sự phù hợp và thiếu sự chuẩn xác.

Ví dụ 12: - *Nhớ cái cóc khô gì? Tao không như mày.* [Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn, 2004:282] (Nghĩa ẩn dụ: Mày không nhớ đâu.)

Đây là lối nói phủ định phổ biến trong phương ngữ Bắc Bộ. *Nhớ cái cóc khô gì* có nghĩa *nhớ gì mà nhớ/ có nhớ đâu/ đâu có nhớ*. Trong văn hóa Việt Nam quan niệm *Con Cóc là Cậu ông Trời* mang lại mưa giúp cư dân gốc nông nghiệp được mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa - biểu tượng

gắn liền với đời sống cư dân gốc nông nghiệp. Từ vị thế là Cậu ông Trời, từ phủ định *cóc* (chuyển từ danh từ sang động từ) mang ý nghĩa thách thức, bất cần và khá quyền uy của người bề trên.

Ví dụ 13: - *Mày không ở coi xe thịt con kỳ đà à?*

- *Coi làm quái gì! Về ăn cơm, trưa nay còn đi rừng cho kịp.*

[Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn, 2004:95] (Nghĩa ẩn dụ: Không cần coi.)

Trong tiếng Việt tồn tại sự kết hợp về mặt từ vựng với yếu tố “quái” ám chỉ thế giới siêu nhiên (vô hình, thiên về thế giới tâm linh) và nghĩa tiêu cực. Ví dụ:

- *Thủy quái* (ám chỉ các quái vật dưới biển trong Tục vẽ mắt).

- *Quái vật* (ám chỉ các loài động vật khác thường kèm theo yếu tố độc ác, tồn tại trong các truyền thuyết và thiên về thế giới tâm linh).

- *Quái thai* (ám chỉ các bào thai phát triển không theo lệ thường).

- *Quái xế* (ám chỉ những người lái xe không tuân thủ theo đúng pháp luật).

Ví dụ (13) sử dụng hình ảnh *quái* với ý nghĩa “không tồn tại”. Lối phủ định này mang hàm nghĩa phủ định cực cấp, phủ định tính cấp thiết của hành động hoặc sự tồn tại của một sự vật hiện tượng trong tự nhiên.

Ví dụ 14: - *Sao Nam không vào lớp mà đứng đó?*

- *Có con ma nào trong lớp đâu!* (Nghĩa ẩn dụ: Không có ai cả/ hết.)

Cách sử dụng hình ảnh *ma* và *quái* có nhiều điểm tương đồng do cả hai đều ám chỉ thế giới vô hình (không có thực trong hiện tại), biểu hiện thuộc tính không có/ không tồn tại của các sự vật, sự việc và hiện tượng được nhắc đến trước đó. Trong tiếng Việt, sự kết hợp từ vựng với yếu tố *ma* diễn ra khá phổ biến. Ví dụ: *Dự án ma* (không có bất kỳ dự án nào cả); *Công ty ma* (công ty được nhắc đến không tồn tại); *Doanh nghiệp ma* (không tồn tại doanh nghiệp được nhắc đến).

Trong ví dụ (14), hình ảnh *ma* trong *Có con ma nào trong lớp đâu* được sử dụng để bác bỏ sự tồn tại, hiện diện của con người trong không gian thực tế đã được đề cập trước đó.

Ví dụ 15: - *Bác Ba Ngủ đi đâu rồi hà di Tư?* - *Anh Sáu tuyên truyền chọt hỏi.*

- *Ồi, có trời mới biết ông đi đâu!* [Đoàn Giỏi, 2006:42]

Trời trong phát ngôn (15) mang nghĩa phủ định, bác bỏ sự tồn tại của con người với khả năng nhận thức về sự việc như đã được đề cập trước đó.

Ví dụ 16: A: *Anh Năm mới trúng số, phải không?* B: *Trúng gió.*

Theo chúng tôi, cụm từ *trúng số* mang nghĩa đen. Tuy nhiên, khi đối đáp, người nói lại sử dụng cụm từ *trúng gió* với nghĩa chuyên (không trúng). Nghĩa chuyên của *gió* mang ý nghĩa thuộc tính “không tồn tại, không có thật”. Cơ chế chuyên nghĩa này cũng giúp chúng ta hiểu về khái niệm *chém gió* trong giao tiếp. *Chém gió* mang hàm ý chỉ trích về mặt nội dung thiếu tính chuẩn xác [- không đúng] của người phát ngôn. Ngày nay, chúng ta thường nghe quán ngữ phủ định *biết chết liền, bó tay, không có cửa (đâu)* trong lối giao tiếp hàng ngày của người Việt. Chúng tôi sẽ phân tích các quán ngữ phủ định trên từ góc độ tri nhận như sau:

- *Biết chết liền:*

Ví dụ 17: A: *Chị biết anh Sơn không?* B: *Biết chết liền.* (Nghĩa ẩn dụ: Chị không biết.)

Theo các nhà Việt ngữ học, đây là câu điều kiện *Nếu tôi biết thì tôi chết liền*. Theo chúng tôi, nếu xem xét từ góc độ tri nhận thì vấn đề này khá thú vị. Hình ảnh cái *chết* (sự kết thúc vĩnh viễn của một đời người) được sử dụng như một sự đảm bảo tính chính xác trong phát ngôn của lời nói với hình thức như một lời thề “độc” nhằm bác bỏ nội dung phát ngôn trước đó.

- *Bó tay:*

Ví dụ 18: A: *Anh Lâm giúp em sửa cái vòi nước này với!* B: *Bó tay!* (Nghĩa ẩn dụ: Anh không sửa được.). “*Tay*” là một từ chỉ bộ phận của con người với ý nghĩa phái sinh chỉ trình độ, tay nghề và năng lực lao động của con người (*Bàn tay vàng, cánh tay đắc lực*). Hình ảnh *bó tay* mang nghĩa hàm

ấn về sự bất lực, đầu hàng về khả năng thực hiện hành động của người nói đối với sự tình được đề cập trước đó.

- *Không có cửa (đâu)*

Ví dụ 19: A: *Em nghĩ chị Tâm sẽ làm giám đốc Nhân sự đợt này.* B: *Không có cửa (đâu)* (Nghĩa ẩn dụ: Chị Tâm không làm giám đốc Nhân sự đợt này). “Cửa” là một vật cần thiết nhằm đảm bảo tính an toàn cho gia chủ. “Cửa” có thể mang nghĩa chuyển chỉ cách tiếp cận (cánh cửa tri thức) hoặc một khả năng xảy ra của một sự tình nào đó (quán ngữ *không có cửa đâu* được hiểu theo nghĩa ẩn dụ này). Người phát ngôn sử dụng hình ảnh phủ định kết hợp với *cửa* nhằm bác bỏ khả năng xảy ra việc *Chị Tâm được bổ nhiệm với vai trò giám đốc Nhân sự*.

Cuối cùng, người Việt còn sử dụng một số cách nói tục hình ảnh khác (bộ phận sinh dục) như một phương tiện phủ định bằng ẩn dụ. Chúng tôi xếp nhóm hình ảnh này ở vị trí cuối cùng vì đây là nhóm hình ảnh khá tế nhị và cần phải phân tích cẩn thận về mặt dụng học.

Ví dụ 20: *Mày biết cái đéo gì/ đéch gì/ cái đách gì!*. So với các hình ẩn dụ đã phân tích như trên, hình ảnh ẩn dụ trong phát ngôn (20) mang tính chất dung tục. Việc lạm dụng hình ảnh này trong quá trình giao tiếp sẽ khiến cho người phát ngôn bị đánh giá là *thiếu văn hóa*.

3. Kết luận

Phân tích phương thức phủ định bằng ẩn dụ từ dưới góc độ tri nhận là một vấn đề khá mới mẻ nhưng lại đầy thú vị. Thông qua bài viết, chúng tôi đã khái quát và phân tích một số ẩn dụ có tính chất phủ định được người Việt thường xuyên dùng trong quá trình giao tiếp hàng ngày, cụ thể với *các ẩn dụ trong không gian, thời gian, các sự vật và các hiện tượng trong tự nhiên*. Kết quả phân tích cho thấy người Việt có sự liên tưởng thông qua nghĩa chuyển của từ khá phong phú và đặc biệt hơn nữa là sử dụng các nghĩa chuyển này để bác bỏ các phát ngôn được đề cập đến trước đó. Các hình ảnh ẩn dụ được chọn lọc hết sức tinh tế (các nghĩa chuyển) và gắn liền với văn hóa phương Đông (loại hình văn hóa gốc nông nghiệp). Hướng nghiên cứu tiếp theo sau bài viết này sẽ là liên hệ với các ẩn dụ có tính phủ định trong tiếng Anh nhằm tìm ra sự tương đồng và dị biệt trong lối tư duy giữa hai dân tộc về mặt văn hóa-ngôn ngữ. Điều này thực sự rất cần thiết cho việc dịch thuật, giảng dạy và thụ đắc ngôn ngữ giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Giới (2006), *Đất rừng phương Nam*, Nxb Kim Đồng.
2. Z. Kovecses (2010), *Metaphor: A practical Introduction (Second edition)*, Oxford University Press.
3. G. Lakoff and M. Johnson (1980), *Metaphors we live by (First edition)*, University of Chicago Press.

Tài liệu dẫn liệu

1. *Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn*, Nxb Văn học, 2004.

Means of expressing negation using metaphors in Vietnamese

Abstract: In daily conversations, human often uses metaphors to convey their own thinking. The means of expressing negation using metaphors in Vietnamese is a typical example. In stead of employing means of direct negation through negative words, Vietnamese people make use of negative metaphors vary in terms of *time, space, things and phenomena in nature*. The survey and analysis of negative metaphors in Vietnamese will facilitate the foreign learners of Vietnamese with a better understanding of the way of expressing negation in Vietnamese in relation to language and culture.

Key words: negation; metaphors; time; space; things; phenomena.